

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HS-ST.

Ngày 20 - 5 - 2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Hậu, Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Dương, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 07 và ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HS ngày 14/4/2025 đối với bị cáo họ và tên như sau:

- Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1979; Nơi sinh: tỉnh An Giang. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã X, huyện M, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Thái H, sinh năm: 1950; Mẹ: Võ Thị Thúy P, sinh năm: 1957; Bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Chồng: Huỳnh Bảo Tr, sinh năm: 1972 (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm: 2005, Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ vào ngày 25/01/2025 và bị bắt tạm giam ngày 03/02/2025 đến nay, hiện bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Thanh Bình. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trần Thanh Ph, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Đỗ Văn F, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt không có lý do).

Lê Dương Hồng K, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp 2, xã Y, huyện CT, tỉnh An Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 11 năm 2020, bị cáo L mượn xe mô tô biển số 66B1-165.XX của bà D để đi làm, hẹn vài ngày sẽ trả. Do bị cáo L và bị hại D là chỗ bạn bè nên D đã cho bị cáo mượn xe. Đến khoảng tháng 01/2021, bà D yêu cầu bị cáo L trả xe mô tô lại cho mình thì Linh hứa nhiều lần mà không mang xe đến trả. Ngày 05/5/2021, bà D đến nơi ở trọ của bị cáo L để lấy xe thì Linh đã bỏ trốn, khoảng 10 ngày sau bà D đi đến các tiệm cầm đồ tại khu vực chợ TB để hỏi thăm có cầm xe mô tô nêu trên hay không thì phát hiện xe mô tô biển số 66B1-165.XX đang được cầm tại tiệm cầm đồ TL, địa chỉ khóm E, thị trấn G, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do ông Đỗ Văn F, sinh năm 1964, làm chủ với số tiền cầm xe mô tô nêu trên là 8.000.000 đồng, nên bà D tố giác hành vi của bị cáo L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vừa nêu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 106/KL-HĐ ngày 11/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thanh Bình, kết luận: 01 xe mô tô biển số 66B1-165.XX nhãn hiệu Vision, màu trắng có giá trị 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

- **Vật chứng đã thu giữ:** 01 xe mô tô biển số 66B1-165.XX, nhãn hiệu Vision, màu trắng của bà Lê Thị Ngọc D và ông Trần Thanh Ph, đã trao trả cho bà D, ông Phong.

- **Về trách nhiệm dân sự:**

- Bà Lê Thị Ngọc D, ông Trần Thanh Ph đã nhận lại xe mô tô biển số 66B1-165.XX nên không yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị can L.

- Ông Đỗ Văn F đã nhận số tiền 8.000.000 đồng từ việc cầm xe nên không yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 33/CT-VKS ngày 09/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần tranh luận Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo L về tội danh và điều khoản nêu trên; về tình tiết tăng nặng đối với bị cáo: Không có; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khắc phục hậu quả và được người bị hại có đơn bãi nại, miễn trách nhiệm hình sự.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm b,i,s khoản 1,2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L từ **04** tháng đến **06** tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Bà Lê Thị Ngọc D, ông Trần Thanh Ph đã nhận lại xe mô tô biển số 66B1-165.XX nên không yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị can L.

- Ông Đỗ Văn F đã nhận số tiền 8.000.000 đồng từ việc cầm xe nên không yêu cầu bồi thường.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng; các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng là phù hợp theo quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, như nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét, lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với

lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát.

Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu, làm mất an ninh trật tự ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đủ sức khỏe để lao động thu nhập một cách chân chính; nhưng do bị cáo lười lao động, bản thân không có việc làm ổn định, để có tiền sử dụng tiêu xài cá nhân bị cáo đã thực hiện hình vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo đã lợi dụng vào lòng tin của bạn bè thân quen, hỏi mượn tài sản, rồi sau đó đem tài sản đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân; bị cáo đã trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cho bị cáo có thời gian cải tạo, cai nghiện trở thành người có ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

.....;

5. Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay và trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ích

ng nghiêm trọng, khắc phục hậu quả và người bị hại có đơn bãi nại. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có thu nhập và công việc ổn định; do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Lê Thị Ngọc D, ông Trần Thanh Ph đã nhận lại xe mô tô biển số 66B1-165.XX nên không yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị can L.

- Ông Đỗ Văn F đã nhận số tiền 8.000.000 đồng từ việc cầm xe nên không yêu cầu bồi thường.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt ông Đỗ Văn F, nhưng trong quá trình điều tra ông Phi đã nhận lại số tiền 8.000.000 đồng từ việc cầm xe nên không yêu cầu bồi thường trong vụ án, đối với ông Lê Dương Hồng K người đã thay bị cáo trả số tiền từ việc cầm xe có mặt tại phiên tòa và trình bày ý kiến không yêu cầu bị cáo L trả lại số tiền trên. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đỗ Văn F, là phù hợp theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[5] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tình tiết khách quan của vụ án; nên được Hội đồng xét xử xem xét để giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm;

Bị cáo và đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm b,i,s khoản 1,2 Điều 51; của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày 25/01/2025.

Về hình phạt bổ sung: Không có.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được giải quyết xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng điểm a, c, f khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và các đương sự tham gia phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 20/5/2025). Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Phân trại tạm giam KV. Thanh Bình;
- THA HS CA huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án (Hậu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Minh – Trần Quang Vinh

Huỳnh Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA